

HỆ THỐNG HÓA ĐẶC ĐIỂM ISLAM GIÁO TRONG CỘNG ĐỒNG CHĂM BÀNİ Ở NINH THUẬN VÀ BÌNH THUẬN

Tóm tắt: Phần lớn các nghiên cứu về tôn giáo của cộng đồng tôn giáo Chăm Bànі ở Ninh Thuận và Bình Thuận tuy đã chỉ ra các thực hành tôn giáo biểu đạt niềm tin mang tính Islam giáo nhưng đều cho rằng cộng đồng này là những biến thể của Islam giáo. Nguyên nhân là vì họ vẫn thực hành những nghi lễ ngoài hệ thống nghi lễ Islam giáo. Để có nhận thức sát hợp với hiện tượng tôn giáo Bànі, rất cần thiết phải hệ thống hóa các đặc điểm tiêu biểu cho thấy cộng đồng Chăm Bànі, ít nhất về hình thức, là cộng đồng Islam giáo. Với sự cần thiết đó, bài viết này hệ thống hóa các đặc điểm Islam giáo trong cộng đồng Chăm Bànі theo 3 vấn đề cốt lõi của một tôn giáo: niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo (các nghi lễ và taboo biểu đạt niềm tin), cộng đồng tôn giáo (các nghi lễ chủ yếu có kết cộng đồng).

Từ khóa: Chăm Bànі, đặc điểm, Islam giáo.

1. Đặt vấn đề

Khi nghiên cứu về cộng đồng tôn giáo Bànі¹ ở tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận, các nghiên cứu đi trước đã đưa ra nhiều nhận định khác nhau về loại hình tôn giáo của cộng đồng này mặc dù cũng đã chỉ ra các yếu tố Islam giáo trong hoạt động tôn giáo và trong đời sống thường ngày của họ. Có ý kiến cho rằng cách thực hành tôn giáo của người Chăm Bànі là một biến thái địa phương của Islam giáo ở người Chăm tại Việt Nam [Phan Xuân Biên (chủ biên), 1991; Phan Văn Dốp, 1993, 2002]; là một tôn giáo địa phương, thể hiện tính bản địa sâu sắc của người Chăm mà không phải là Islam giáo với tư cách là một tôn giáo thế giới (Lê Thị Tuyết Vân, 2001; Nguyễn Đức Toàn, 2002); là kết

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 27/12/2016; Ngày biên tập: 16/01/2017; Ngày duyệt đăng: 20/02/2017.

quả của sự hỗn dung giữa Islam giáo nguyên thủy với nhiều yếu tố tín ngưỡng dân gian (Lê Nhâm, 2003); là biến thể từ Islam giáo do không có điều kiện tiếp xúc với cộng đồng Islam giáo thế giới (Phan Xuân Biên (cb), 1991; Hoàng Minh Đô, 2006); là tôn giáo riêng của người Chăm, có sắc thái riêng, đặc điểm riêng khác với Islam giáo ở Đông Nam Á và thế giới Arab (Bá Trung Phụ, 2007), v.v..

Những nhận định trên phần lớn được rút ra từ so sánh với thực hành tôn giáo của phái Islam Sunni - phái chiếm đa số trong Islam giáo, và cũng chưa lý giải tường minh tại sao các yếu tố tôn giáo bản địa vẫn được duy trì trong một cộng đồng tôn giáo “chịu ảnh hưởng Islam giáo” nên hầu hết các nghiên cứu, bài viết đều cho rằng Bani là biến thể của Islam giáo và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố tôn giáo bản địa và Hindu giáo. Tuy nhiên, cũng có thể tìm thấy trong một số nghiên cứu những yếu tố cho phép xác định rõ hơn về hệ phái tôn giáo của cộng đồng Chăm Bani, trong đó đáng kể nhất là nghiên cứu của Đoàn Việt (2009) và Trương Văn Món (2015) đã cho biết thêm về sự sùng kính 2 nhân vật trong Islam giáo thời kỳ sơ khởi là Ali và Fatimah - con rể và con gái Nhà tiên tri Muhammad.

Để có thể nhận thức chính xác hoặc gần đúng nhất với hiện tượng tôn giáo Bani, việc cần thiết trước hết là phải hệ thống những yếu tố Islam giáo trong cộng đồng Chăm Bani. Để từ đó suy xét những yếu tố này có cho phép xác định cộng đồng Chăm Bani là một cộng đồng Islam giáo hay không? Tuy nhiên, yếu tố nào là tiêu biểu để nhận thức về một thực thể tôn giáo nói chung, Islam giáo nói riêng? Trả lời cho câu hỏi này, chúng tôi vận dụng cách tiếp cận hệ thống về thực thể tôn giáo theo quan điểm của Nguyễn Quốc Tuấn². Theo ông, khi nhận thức khoa học về tôn giáo cần khảo sát ít nhất 3 vấn đề cốt lõi, đó là niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo (hệ thống nghi lễ biểu đạt niềm tin) và cộng đồng tôn giáo sở hữu niềm tin tôn giáo đó. Trên cơ sở tổng hợp và so sánh tri thức từ các nghiên cứu về cộng đồng Chăm Bani và tri thức chung³ về Islam giáo, chúng tôi hệ thống hóa những đặc điểm căn bản của Islam giáo trong cộng đồng Chăm Bani theo 3 vấn đề trên và rút ra những nhận xét cần thiết.

2. Các đặc điểm Islam giáo trong cộng đồng Chăm Bani

2.1. Về niềm tin và kinh sách

Theo Jamal J. Elias (1999), 2 tiêu chí cơ bản để nhận diện một cộng đồng tín đồ Islam giáo là đặt niềm tin vào Allah và sử dụng ngôn ngữ Arab trong cầu nguyện. Các nghiên cứu đi trước đã chỉ ra người Chăm Bani từng phục đức tin đối với Allah và tông đồ của Ngài là Muhammad (Phan Xuân Biên cb., 1991; Phan Văn Dốp, 1993; Trương Nghiệp Vũ, 2000; Sakaya (Văn Món), 2003; Trần Tiến Thành, 2010), đồng thời thực hiện nghiêm những quy định liên quan đến biểu đạt niềm tin đó, như: kiêng ăn thịt lợn/heo, sử dụng Kinh Qu'ran trong nghi lễ thờ phượng và hướng dẫn trong đời sống hằng ngày, thực hiện nghi thức tẩy thể trước khi làm lễ, thực hành tháng lễ Ramadan, cơ sở thờ tự không trang trí, trưng bày ảnh tượng.

Riêng với Kinh Qu'ran, có ý kiến cho rằng do qua nhiều lần sao chép bằng tay nên nội dung có thể bị lệch so với các bản Kinh hiện lưu hành ở các nước Islam giáo khác trên thế giới và nội dung cũng không được chép hết mà chỉ được trích đoạn (vấn đề này cần khảo cứu thêm - NB). Về lại các tu sỹ Bani do không biết chữ Arab nên cũng không hiểu nghĩa bản văn. Vì vậy, ở mỗi đoạn trích người ta phải ghi chú thêm nội dung hoặc những lời chỉ dẫn bằng chữ Chăm cổ nói rõ ý nghĩa của các câu kinh để sử dụng. Việc truyền giảng Kinh Qu'ran của các tu sỹ chủ yếu là phát âm đúng câu kinh, những nghi thức, những động tác phải thực hiện khi làm một lễ nào đó (Châu Văn Kên, 2000). Tuy nhiên, theo khảo cứu của Trương Văn Món (2015) thì Kinh Qu'ran của người Chăm Bani là bản chép tay trung thành từ Kinh Qu'ran của người Arab. Dựa vào mẫu tự Arab, người Chăm Bani sáng chế ra một kiểu chữ viết riêng của họ để chép Kinh gọi là Akhar Bani. Bên cạnh chữ Akhar Bani, họ còn dùng chữ Chăm truyền thống (Akhar Thrah) để giải thích nội dung Kinh.

Có thể việc sao chép Kinh Qu'ran bị “tam sao thất bản” và giới tu sỹ Bani không hiểu hết nghĩa của văn bản nhưng theo quan điểm truyền thống, việc dịch Kinh Qu'ran từ ngôn ngữ Arab sang ngôn ngữ khác thường bị phản đối. Mặc dù hiện nay, Kinh Qu'ran đã được dịch sang các ngôn ngữ khác, nhưng quy ước mặc nhận theo truyền thống vẫn đòi hỏi mỗi câu chữ trong Kinh Qu'ran là bất di bất dịch, mỗi lời Allah truyền qua Muhammad là những lời đặc biệt, là nguồn hướng dẫn cho những hành động cũng như mục đích nghi lễ. Chính vì vậy, ở

thời gian khi Kinh Qu'ran chưa được in ấn, việc học thuộc lòng toàn bộ Kinh Qu'ran có vai trò quan trọng và người thuộc lòng Kinh Qu'ran rất được kính trọng, thậm chí những người không biết chữ nhưng với lòng mộ đạo thì chỉ cần di chuyển ngón tay theo các con chữ trong Kinh cũng là một cách biểu lộ đức tin (Elias Jamal J., 1999: 20-21). Người Chăm Bani hẳn là được truyền thụ và thấu hiểu tính thiêng, ý nghĩa cũng như vai trò của Kinh Qu'ran nên chỉ suy ngẫm, sao chép vào khoảng thời gian Nhà tiên tri Muhammad nhận được những lời phán truyền của Allah mà về sau trở thành tên gọi một tháng trong niên lịch Islam giáo - tháng Ramadan. Đồng thời, người Chăm Bani dường như vẫn bảo lưu được tập tục kính trọng người thuộc Kinh Qu'ran vì trong tháng Ramadan (cách phát âm của người Chăm được ghi theo chữ Latinh là Ramurwan hoặc Ramawan), sau khi làm lễ Muk Trun (hết 15 ngày đầu tháng Ramadan), vị tu sỹ nào muốn được kính trọng sẽ thực hiện lễ Akhar Muk, tức là phải tụng đọc bài kinh rất dài bằng âm ngữ Arab, nếu thuộc hết thì danh tiếng của vị tu sỹ đó được khẳng định, ngược lại thì ít được mến mộ (Thập Liên Trường, 1994). Có thể coi đây là điểm tương đồng với các cuộc thi xướng Kinh Qu'ran ở các cộng đồng Islam giáo Sunni. Ngoài Kinh Qu'ran, trong văn bản chép tay của người Chăm vẫn còn ghi chép nhiều về các nhân vật trong Islam giáo, như: Po Kuk (Allahuh), Auluah (Allah), Mohamat/Mohamet (Muhammad), Po Ali (Ali) và Phua Timah (Fatimah) [Trương Văn Món, 2015].

2.2. Về các nghi lễ quan trọng

Trong hệ thống nghi lễ của người Islam giáo, lễ *tháng Ramadan*, lễ *Eid ul-Fitr* và lễ *Eid ul-Adha* là những sự kiện bao trùm tất cả các sự kiện khác trong niên lịch Islam giáo.

Cả tháng Ramadan, những tín đồ thuộc diện bắt buộc phải thực hiện bốn phận này sẽ nhịn từ sáng sớm tới lúc chạng vạng tối, hoặc chính xác hơn, từ thời điểm có thể phân biệt được sợi chỉ trắng và sợi chỉ đen đặt song song nhau cho đến lúc không biệt được nữa. Nhịn không có nghĩa là không được ăn mà còn không được uống nước, hút thuốc, không nói lời chê bai hay cãi vã.

Tháng Ramadan không chỉ là tháng nhịn và nghiêm trang mà đó còn là thời gian ăn mừng. Tháng Ramadan là tháng duy nhất được

nhắc đến trong Kinh Qu'ran và được nhắc đến vì hai lý do: kiêng cử và ban tặng Kinh Qu'ran. Có lẽ vì lý do thứ hai nên trong tháng Ramadan, các tu sỹ Bani mới sao chép, duy tu Kinh Qu'ran như một hình thức tạ ân Allah. Việc tính toán quy định ngày tháng thực hiện nghi lễ, mặc dù không liên hệ với các cộng đồng Islam giáo nhưng hằng năm người Chăm Bani vẫn xác định đúng ngày lễ tháng Ramadan với lịch Islam giáo thế giới (Châu Văn Kên, 2000).

Đối với người Chăm Bani, lễ tháng Ramadan cũng là mùa lễ quan trọng nhất, tuy nội dung thực hiện có những điểm khác. Trong tháng Ramadan, người Chăm Bani thực hiện nghiêm túc bốn phận dâng lễ tới thánh đường và tham dự lễ kinh lúc 21 giờ. Tuy nhiên, không như hầu hết các tín đồ Islam giáo thuộc đối tượng phải thực hiện kiêng cử trong tháng Ramadan, người Chăm Bani chỉ áp dụng cho các tu sỹ, nhưng lại khá khắt khe, chẳng hạn như từ đêm khai lễ tiếp theo 3 ngày sau, người tu sỹ thể hiện đúng tinh thần nhịn, nghĩa là ngoài thời gian thực hiện 5 lễ cầu nguyện, họ nằm im tại chỗ của mình trong thánh đường, miệng ngậm vài hạt muối - hành động thể hiện sự sám hối, cực thể để cảm thông với người khốn khó ở trần gian (Thập Liên Trường, 1994: 7). Các thời điểm hành lễ cầu nguyện của tu sỹ Bani cũng được thực hiện như các cộng đồng Muslim khác, tức là: 1) Ngay trước lúc rạng đông; 2) Giữa trưa (khi Mặt Trời đạt đến điểm cao nhất); 3) Giữa buổi chiều; 4) Sau khi hoàng hôn và 5) Khi màn đêm buông xuống (vào bất cứ thời điểm nào trong buổi tối, nhưng tốt nhất là trước nửa đêm). Cụ thể về giờ giấc là 4 giờ, 12 giờ, 15 giờ, 17 giờ và 21 giờ.

Đêm thứ 27 của tháng Ramadan, tại thánh đường có một cuộc họp các nhân sĩ, những người có uy tín trong thôn để bầu chọn một vị có đạo đức và có khả năng nhất trong các tu sỹ ở cấp Char vào Ban Lãnh đạo thánh đường, gọi là Mudin và làm lễ thụ chức cho tu sỹ này. Khuya đêm 29 hoặc 30 tháng Ramadan, rạng sáng mừng Một tháng kế tiếp, các tu sỹ dùng bữa cơm cuối cùng để làm lễ mãn tháng Ramadan. Do chỉ có tu sỹ thực hiện tháng lễ Ramadan nên khi mãn tháng, người Chăm Bani không tổ chức lễ *Eid ul-Fitr* cho toàn thể cộng đồng.

Lễ *Eid ul-Fitr* (cũng còn gọi là “Lễ xả chay”, “Lễ thanh khiết” hoặc “Lễ nhỏ” ở một số nơi) là lễ kết thúc tháng Ramadan, được tổ chức vào thời điểm khi nhìn thấy Mặt Trăng báo hiệu sự bắt đầu của tháng

Shawwal (tháng thứ 10). Trước khi tháng Ramadan kết thúc, người tín đồ phải thực hiện bốn phần đóng góp dành sự quan tâm cho người nghèo, gọi là *Zakat ul-Fitr*, nghĩa là “lòng từ thiện hết tháng nhĩn”. Mục đích của việc làm này là nhằm đảm bảo không có người Muslim nào phải gián đoạn việc kiêng cử.

Cách thức thể hiện bốn phần Zakat cũng rất đa dạng. Có thể có quy định đóng góp một tỉ lệ phần trăm nhất định số lợi tức thu được hằng năm vào quỹ từ thiện, từ 2,5% ở phái Sunni đến 10% ở một số nhóm Shiah. Ở một số xã hội Islam giáo hiện đại, Zakat được chính phủ thu như các loại thuế khác. Khoản thu Zakat này được sử dụng dành riêng cho các mục đích tôn giáo hoặc phúc lợi xã hội, chẳng hạn như xây dựng các cơ sở y tế hoặc trường học. Một cách làm khác là người tín đồ có thể gửi khoản đóng góp Zakat tới thánh đường nơi họ sinh sống hoặc gửi cho vị chức sắc tôn kính để vị này sử dụng Zakat đó có hiệu quả. Một số khác lại chia số tiền có được thành hai phần, một phần góp vào quỹ từ thiện, phần còn lại gửi trực tiếp tới những người nghèo túng. Thời trước, những tín đồ giàu có dùng Zakat để giúp đỡ các gia đình nghèo hoặc chu cấp cho những trẻ mồ côi cơ cực, v.v.. Những cách sử dụng Zakat như vậy không phổ biến trong thời hiện đại nhưng chúng cũng không mất đi (Jamal J. Elias, 1999: 70 - 71).

Người Chăm Bani cũng thực hiện bốn phần này theo cách vào sau ngày thứ 20 tháng Ramurwan, tín đồ làm lễ dâng gạo cho thánh đường với ý nghĩa chia sẻ nỗi khổ với tổ tiên của họ, của cộng đồng Bani và với niềm tin sau này khi thành người thiên cổ cũng sẽ được đối xử như vậy. Đến ngày thứ 27 tháng Ramurwan, tín đồ còn dâng gạo một lần nữa; lần dâng gạo này ngoài ý nghĩa nêu trên, còn mang ý nghĩa: tạo điều kiện cho tu sỹ đi hành hương (mang ý nghĩa tượng trưng), bố thí cho người nghèo khó trong phạm vi thánh đường, gửi cho thân nhân ở thế giới bên kia. Tối ngày 30, gia đình tu sỹ mang phần gạo được chia về nấu cơm, rạng sáng ngày hôm sau, mang một phần tới thánh đường, phần còn lại cho mời mọi người trong họ hàng, địa phương đến ăn, trừ những trường hợp vi phạm giáo luật hoặc chưa đủ điều kiện (Thập Liên Trường, 1994: 13, 14). Có nghiên cứu liên tưởng lễ dâng gạo này với lễ dâng gạo của người Chăm Balamôn và bắt nguồn từ nền văn minh lúa nước mang đậm màu sắc dân tộc Chăm, rồi trở

thành một nghi thức trong tháng Ramadan của người Chăm Bani. Do đó, người Chăm Bani không thực hiện bốn phận bố thí. Nhưng so với sự đa dạng về cách thức thực hiện Zakat và thời điểm thực hiện và ý nghĩa thì có thể coi “lễ dâng gạo” là một biểu hiện của Zakat.

Sau lễ *Eid ul-Fitr*, người Muslim còn một lễ quan trọng khác, gọi là lễ *Eid ul-Adha* (có thể hiểu là “Lễ hiến sinh”). Lễ *Eid ul-Adha* là ngày lễ linh thiêng nhất của Islam giáo và là lễ ghi dấu kết thúc mùa hành hương, dành cho những người có thể thực hiện bốn phận hành hương (Hajj) và cũng là lễ được tổ chức trong toàn cõi Islam giáo. Ngày lễ này được tổ chức vào ngày thứ 10 của tháng cuối cùng theo lịch Islam giáo.

Đặc điểm chính của lễ *Eid ul-Adha* là sự hiến sinh động vật, kỷ niệm sự tự nguyện hiến sinh người con trai của Abraham vì lợi ích của Thượng đế. Vào sáng ngày thứ 10 của tháng Hành hương, mỗi gia đình hoặc vài gia đình cùng chung hiến tế một động vật nuôi, giống đực, trưởng thành và khỏe mạnh, như: cừu, dê, ngựa, lạc đà hoặc một con vật nào đó tùy theo nền văn hóa. Người Chăm Bani cũng thực hiện lễ *Eid ul-Adha* vào đúng ngày này (Nguyễn Hồng Dương, 2007: 133), chỉ khác về tên gọi: lễ Waha - có lẽ do cách phát âm “Adha”, tương tự như trường hợp “Ramadan” = “Ramurwan”. Và trong nghi thức lễ hiến sinh do tu sĩ Bani thực hiện, trước khi giết con vật để hiến tế, họ đặt con vật hướng mặt về phía Mecca và đọc câu kinh Islam giáo (Trương Văn Món, 2015: 77).

2.3. Về cơ sở thờ tự

Cơ sở thờ tự của tín đồ Islam giáo được gọi là Mosque (người Việt Nam thường gọi là Thánh đường). Nguyên gốc của từ này là Masjid trong ngôn ngữ Arab, có nghĩa là “phủ phục”. Thánh đường là nơi tín đồ Islam giáo thực hiện nghi lễ cầu nguyện khẳng định sự tuân phục của họ trước Thượng đế.

Nhìn chung, hình dáng của thánh đường hiện nay có dạng hình chữ nhật. Khu vực dành cho người tín đồ cầu nguyện bên trong thánh đường là nơi thiêng liêng. Một thánh đường Islam giáo không nhất thiết phải là một tòa nhà được bao bọc mọi phía. Xung quanh thánh đường ở các quốc gia nhiệt đới là những tường rào đơn thuần hình chữ

nhật. Tuy nhiên, có một bức tường khác với ba bức còn lại. Bức tường này được gọi là *Qibla*, có nghĩa là “hướng”. *Qibla* giúp cho người tín đồ biết hướng Thánh địa Mecca để hướng mặt về phía đó mỗi khi cầu nguyện. Ở *Qibla* có một vị trí được tạo thành hốc lõm, gọi là *Mihrab*. *Mihrab* nhằm thể hiện chính xác hướng của Mecca và người hướng dẫn cầu nguyện sẽ đứng ở trước cái hốc này khi hướng dẫn mọi người thực hiện việc thờ phụng. Ở Mecca, vị trí của *Mihrab* theo đúng hướng của ngôi đền Ka’bah. Trong thánh đường Islam giáo là bục giảng Kinh. Người Islam giáo gọi cái bục này là *Minbar*. *Minbar* thường được đặt phía trước tường *Qibla* và ngay bên cạnh hốc *Mihrab*. Đôi khi *Minbar* được làm như cầu thang nhiều bậc, nhưng thường thì chỉ cao hơn sàn nhà một chút để mọi người tham dự cầu nguyện có thể nhìn thấy người giảng kinh. Bên ngoài thánh đường ở các quốc gia Islam giáo thường có ít nhất một cái tháp cao, gọi là *Minaret*, để từ đó một người trong cộng đồng thông báo cho tín đồ giờ cầu nguyện; người báo giờ cầu nguyện được gọi là *Muezzin*.

Mỗi làng Chăm Bani đều đã xây dựng một thánh đường (người Chăm Bani gọi là “Thang murgik”). Những thánh đường này nhìn chung được xây cất một cách đơn giản nhưng kiên cố, khang trang và theo một phong cách gần giống nhau tuy không có tháp *Minaret*, không có mái vòm đỉnh nhọn theo lối kiến trúc thường thấy của các thánh đường Islam giáo trên thế giới. Tuy nhiên, theo Châu Văn Kên (2000) và Trần Tiến Thành (2010), kiến trúc thánh đường và phương hướng của các thánh đường khi xây dựng đã được tính toán chính xác với hướng *Kiblad* (*Qibla* - NB), tức hướng về thánh địa Mecca, như các thánh đường trên toàn thế giới. Trong trường hợp của Việt Nam là hướng Đông - Tây, tức cửa ra vào ở hướng Đông, bức tường *Qibla* ở hướng Tây. Ở bức tường *Qibla*, tuy không tạo ra hốc *Mihrab*, nhưng thay vào đó có một khung gỗ cao khoảng 2 mét, rộng, dài khoảng 1 - 1,2 mét, là nơi để các tu sỹ lên đọc kinh và hướng dẫn tín đồ làm lễ. Thánh đường Bani không có bục *Minbar*, nhưng có một phần nền nhà phía bức tường *Qibla* được làm cao hơn. Việc giảng kinh được thay thế bằng nghi thức đọc kinh cầu nguyện. Mỗi thánh đường đều có một cái giếng hoặc bể nước và nơi để các tu sỹ làm nghi thức tẩy thể trước khi hành lễ trong thánh đường.

Như trên đã đề cập, người thông báo giờ cho tín đồ đến thánh đường làm lễ cầu nguyện gọi là Muezzin, nhưng ở người Chăm Bani gọi là Bilan (Nguyễn Hồng Dương, 2007: 140). Cách gọi này cho thấy người Chăm Bani cũng thấm nhuần giáo sử vì Muezzin đầu tiên là một nô lệ da đen, tên là *Bilal*, được Abu Bakr (một trong những người đồng hành sớm nhất cùng Nhà tiên tri Muhammad, sau trở thành Caliph đầu tiên dẫn dắt cộng đồng Muslim sau khi Muhammad qua đời) mua lại và giải phóng. Theo truyền thuyết, những người đồng hành cùng Nhà tiên tri Muhammad hỏi rằng: Người Do Thái báo cho mọi người biết giờ cầu nguyện bằng cách thổi tù và, người Kitô giáo thì rung chuông. Vậy, chúng ta nên làm gì? Nhà tiên tri Muhammad đã chỉ định *Bilal* (vì anh này có giọng khỏe khoắn và vang xa) và hướng dẫn anh ta làm loa tay thông báo giờ cầu nguyện (Cole Owen W., Peggy Morgan, 2000: 171; Cole Gordon D., 2002: 152). Hiện nay, từ Bilan không phổ biến trong người Chăm Bani, nhưng xét theo nhiệm vụ đánh trống báo lễ kinh bắt đầu trong trình tự lễ cầu nguyện của vị tu sỹ Bani gọi là Murdin thì có khả năng “Murdin” là cách ghi phát âm của “Muezzin”.

2.4. Về nghi lễ vòng đời

Trong một cộng đồng tôn giáo thì nghi lễ vòng đời trở thành một mắt xích quan trọng, vừa thể hiện sự gắn kết với đức tin và sự tôn nghiêm của tôn giáo ấy đối với các tín đồ vừa là sợi dây cổ kết cộng đồng, đồng thời ở một mức độ nhất định là sự thể hiện khác biệt giữa tôn giáo này với tôn giáo khác trong một xã hội có nhiều tôn giáo cùng tồn tại. Các nghi lễ vòng đời tiêu biểu của một cộng đồng tôn giáo là nghi lễ trưởng thành, hôn nhân, tang ma.

Nghi lễ trưởng thành

Người Chăm Bani và người Chăm Islam đều có nghi lễ trưởng thành cho thiếu niên đến tuổi dậy thì, nhưng người Chăm Bani thực hiện cho cả nam và nữ thiếu niên (nghi lễ dành cho nam gọi là Katat, dành cho nữ gọi là Karoeh), còn người Chăm Islam chỉ thực hiện nghi lễ này cho nam thiếu niên (gọi là lễ Khotan). So với người Chăm Islam thì người Chăm Bani coi trọng lễ Karoeh cho thiếu nữ (Bá Trung Phụ, 2001). Tuy nghi lễ dành cho nam đơn giản so với nghi lễ dành cho nữ nhưng đây là một nghi lễ vòng đời không thể thiếu đối

với các tín đồ Islam giáo, đồng thời là nghi lễ nhập đạo cho nam vị thành niên người Chăm Bani (Đoàn Việt, 2001). Độ tuổi thực hiện nghi lễ này là 15 và được tổ chức một đợt cùng với gia đình thiếu nữ nào đó đứng ra tổ chức Karoeh.

Về hôn nhân

Hôn nhân của người Chăm Bani được tổ chức theo hai hình thức: một hình thức theo nghi lễ truyền thống; một hình thức theo nghi lễ tôn giáo. Ở khía cạnh tôn giáo, một lễ kết hôn được chấp nhận là cặp vợ chồng đó phải tuyên thệ trước Allah, phải có sự chứng kiến của “hai thiên thần” Hô Thanh và Hô Thai (Đoàn Việt, 2009). Hô Thanh và Hô Thai có thể là phiên âm của Hasan và Husayn - con của Fatimah và Ali (con gái và con rể của Nhà tiên tri Muhammad - NB). Sự có mặt bắt buộc của hai bé trai tượng trưng cho hai người con của Fatimah và Ali trong mỗi đám cưới đã cho thấy cộng đồng Chăm Bani tuân thủ theo khuôn phép Islam giáo, và sâu xa hơn nữa có thể thấy cộng đồng này chịu ảnh hưởng của phái Islam Shiah (phái tôn sùng hậu duệ của Ali và Fatimah là người lãnh đạo, dẫn dắt cộng đồng Islam giáo sau khi Nhà tiên tri Muhammad qua đời - NB).

Về tang ma

So sánh với cộng đồng Chăm Islam, cộng đồng Chăm Bani cũng thực hiện những tập tục phổ biến của Islam giáo, tức là địa táng và khoảng thời gian thực hiện các thủ tục từ lúc tắt thở đến lúc chôn cất trong vòng 24 giờ đồng hồ (nếu qua đời vào buổi sáng thì buổi chiều chôn; qua đời vào buổi chiều thì sáng hôm sau chôn); thi hài được được tắm rửa và liệm bằng vải trắng quấn quanh thi hài theo quy định: nam giới 3 lớp, nữ giới 5 lớp. Người Chăm Bani không liệm theo cách quấn vải mà dùng số vải liệm may thành quần áo, nhưng cũng liên quan đến số 3 và số 5, tức là đối với nam giới thì dùng 3 tấm vải, nữ giới thì 5 tấm vải; thi hài được đặt trên giàn khiêng, không có quan tài; huyệt mộ được đào sâu từ 1,5 đến 2 mét tùy theo thổ nhưỡng, và cũng tùy theo thổ nhưỡng mà vách huyệt phía Tây được khoét lõm (chỗ được làm lõm này là nơi đặt thi hài khi chôn cất); khi đặt xuống huyệt, đầu hướng về phía Bắc, chân hướng phía Nam, thi thể đặt nằm nghiêng với mặt hướng về phía Tây - hướng Thánh địa Mecca (Nguyễn Bình, 2012); mộ của người Chăm Bani cũng như người

Chăm Islam đều không đắp cao và không xây cất chỉ có những vật đánh dấu, tương tự như cách an táng của hầu hết các cộng đồng Muslim khác trên thế giới.

Các nghi thức hậu táng giữa người Chăm Bani và Chăm Islam cũng có những điểm giống nhau, chẳng hạn như việc đọc kinh cho người qua đời. Người Chăm Bani và người Chăm Islam đều tiến hành đọc Kinh cầu nguyện cho người qua đời 3 lần tiếp sau khi hoàn thành việc chôn cất, điểm khác là người Chăm Bani có tên gọi và nội dung nghi lễ cầu nguyện. Trong số những ngày tang gia tổ chức cầu nguyện tiếp theo thì thấy có những thời điểm trùng nhau, đó là ngày thứ 10, 40 và đầy năm (Nguyễn Bình, 2013).

3. Kết luận và thảo luận

3.1. Kết luận

Như đã đề cập, có nhiều ý kiến xung quanh việc xác định hình thái tôn giáo cho cộng đồng Chăm Bani. Các ý kiến như vậy chưa thật thỏa đáng vì theo Jamal J. Elias (người có nhiều năm giảng dạy nhập môn Islam giáo ở Amherst College, Mỹ và đã nghiên cứu điền dã nhiều nơi trong thế giới Islam giáo) có vô vàn cách biểu hiện Islam khác nhau nhưng người ta vẫn phân biệt được cộng đồng Muslim với các cộng đồng khác. Những nét dị biệt trong thế giới Islam giáo là do liên quan đến ngôn ngữ, chủng tộc, tộc người, kinh nghiệm gắn với từng thời kỳ, tình trạng kinh tế, vị trí xã hội, đặc trưng giáo phái, v.v.. Không thể đưa ra một tuyên bố nào mang tính phổ quát về niềm tin của người Muslim. Nét đặc trưng để nhận ra một cộng đồng Muslim chính là sự giống nhau trong thực hành nghi lễ. Đó là việc sử dụng gần như phổ biến ngôn ngữ Arab trong cầu nguyện và nghi lễ tế lễ bắt buộc; đó là đặt niềm tin vào Thượng đế (Allah) - người đã truyền Thiên khải bằng lời, gọi là Qu'ran, qua một sứ giả tên là Muhammad (Jamal J. Elias, 1999: 15).

Từ những thông tin được tổng hợp trong các nghiên cứu đi trước kết hợp với một số nội dung so sánh của chúng tôi nêu trên, chúng tôi thấy rằng cộng đồng Chăm Bani là một cộng đồng Islam giáo khá rõ ràng. Những đặc điểm mấu chốt để nhận biết một cộng đồng Islam giáo hầu như đều hiện diện trong cộng đồng Chăm Bani. Đó là có niềm tin vào Allah, có Kinh Qu'ran (sử dụng mẫu tự Arab để sao chép

cũng như đề cao người học thuộc Kinh Qu'ran); là các kiêng cử biểu đạt niềm tin (tiêu biểu nhất là không ăn thịt và các sản phẩm được sản xuất từ thịt lợn/heo; là hệ thống các nghi lễ quan trọng; là những nghi thức cử hành các nghi lễ vòng đời. Bên cạnh đó, còn có các thông tin về các nhân vật quan trọng trong Islam giáo: Đấng Allah, Nhà tiên tri Muhammad, con gái, con rể và cháu ngoại của Nhà tiên tri (Fatimahh, Ali, Hasan, Husayn).

Câu hỏi đặt ra là nếu cộng đồng Chăm Bani đã là cộng đồng Islam giáo thì tại sao các yếu tố bản địa, đặc biệt là những niềm tin, quan niệm dân gian về các lực lượng siêu nhiên, ông bà tổ tiên, đa thần,... vẫn luôn hiện hữu, xen cài trong đời sống của người Chăm Bani. Lý giải cho vấn đề này có thể chia sẻ bằng những nhận định về Islam giáo ở Đông Nam Á. Đó là các tập quán thời tiền Islam giáo ở Đông Nam Á vẫn có vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội trong khi giáo luật Islam giáo bị hạn chế trong phạm vi các thỏa thuận và trao đổi cụ thể. Nữ giới ở đây vẫn có vị trí quan trọng hơn ở Trung Đông và Ấn Độ trong cả gia đình và xã hội. Ví dụ, ở một vài khu vực như phía Tây đảo Sumatra (Indonesia), tính dòng dõi và quyền thừa kế vẫn được tiếp tục truyền theo mẫu hệ sau khi Islam giáo được truyền bá ở đây cho dù đã có xu hướng đề cao nam giới và phụ hệ. Đáng chú ý nhất là các nghi lễ và niềm tin tôn giáo thời tiền Islam giáo được kết hợp chặt chẽ trong các nghi lễ Islam giáo (<http://history-world.org/islam7.htm>). Đặc điểm này tương tự như đã thấy ở cộng đồng Chăm Bani Việt Nam.

Việc cải theo Islam giáo và thực hành niềm tin tôn giáo của người dân ở phía Tây đảo Sumatra và người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận trở nên dễ hiểu với nhận xét về quá trình cải giáo theo Islam giáo của nhà sử học người Mỹ, Ira Lapidus: “Việc cải theo Islam giáo không tất yếu bao hàm việc chuyển đổi hoàn toàn từ cuộc sống cũ sang một cuộc sống mới. Trong khi buộc phải chấp nhận đức tin mới và các thành viên trong cộng đồng tôn giáo mới, hầu hết những người cải giáo vẫn giữ sự gắn kết chặt chẽ với cộng đồng và nền văn hóa mà họ xuất thân. Kết quả của quá trình này có thể thấy qua sự đa dạng của các xã hội Muslim hiện nay, với sự phong phú về cách thể hiện và thực hành Islam giáo” (http://en.wikipedia.org/wiki/Spread_of_Islam).

3.2. Thảo luận

Với những thông tin về Ali và Fatimah (con rể và con gái của Nhà tiên tri Muhammad), Hassan và Husayin (Hô Thanh, Hô Thai - con của Ali và Fatimah) luôn xuất hiện trong một số nghi lễ của người Chăm Bani, chúng tôi ủng hộ nhận định cộng đồng Chăm Bani là một cộng đồng Islam giáo thuộc phái Islam Shiah. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là cần xác định thêm Bani thuộc chi phái Shiah nào vì phái Shiah có 3 chi phái gốc: chi phái Zaydi (phái 5 vị Imam), chi phái Ismaili (phái 7 vị Imam), chi phái Twelver (phái 12 vị Imam - chi phái chiếm đa số trong Islam Shiah và trung tâm của chi phái ở Iran) bởi có ý kiến cho rằng trang phục tu sỹ Bani tương tự tầng lớp tu sỹ ở Iran thì có thể suy luận Bani thuộc chi phái Shiah 12 vị Imam, nhưng chỉ căn cứ vào một yếu tố như vậy thì chưa thật chắc chắn, cần có thêm nghiên cứu và cơ sở để khẳng định./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Một số nghiên cứu hiện nay về người Chăm Bani có xu hướng sử dụng cụm từ Chăm Awal. Nghĩa của từ “Awal” xin xem: Đồng Thành Danh (2016), “Bàn thêm về sự du nhập của Islam giáo ở Champa”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng từ “Bani”.
- 2 Viện trưởng Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Xem thêm các bài viết của ông: “Tiếp cận hệ thống về thực thể tôn giáo: Một cách nhìn khác về tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3/2014, và “Triển khai lý thuyết thực thể tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10/2014.
- 3 Những tri thức này được tổng hợp từ cuốn *Six Religions in the 21st Century* của W. Owen Cole và Peggy Morgan được Stanley Thornes Ltd. tái bản năm 2000. Một cuốn sách được sử dụng để giảng dạy nhập môn tôn giáo ở Vương quốc Anh từ năm 1981, và từ cuốn *Islam* của Jamal J. Elias (1999), Routledge, London.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp (1991), *Văn hóa Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội.
2. Nguyễn Bình (2012), *Tư liệu phỏng vấn Thư ký Hội đồng chức sắc Chăm Bani tỉnh Ninh Thuận*, tháng 4.
3. Nguyễn Bình (2013), “Nghi lễ vòng đời của người Muslim”, *Gia đình và Giới*, số 1.
4. Đồng Văn Dinh (2007), “Hệ thống chức sắc trong tín ngưỡng, tôn giáo và vai trò của nó trong đời sống xã hội người Chăm Ninh Thuận”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.

5. Phan Văn Dốp (2002), “Thử phác họa cấu trúc văn hóa Chăm”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4.
6. Nguyễn Hồng Dương (chủ biên, 2007), *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Chăm ở hai tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Hoàng Minh Đô (2006), *Tín ngưỡng, tôn giáo trong cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
8. Ja Karo, *Giới thiệu về tôn giáo Chăm Bani ở Bình Thuận*, <http://champaka.info>, truy cập ngày 11/12/2013.
9. Trương Văn Món (2015), “Dấu ấn tôn giáo Islam trong văn hóa Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
10. Lê Nhâm (2003), “Về cộng đồng Hồi giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6.
11. Bá Trung Phụ (2001), *Hôn nhân và gia đình của người Chăm ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Bá Trung Phụ (2007), “Đạo Bà Ni của người Chăm ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12.
13. Sakaya (Văn Món) (2003), “Tín ngưỡng Bàlamôn giáo và Hồi giáo trong lễ hội Chăm”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6.
14. Thành Văn Sướng (1994), *Chức sắc Chăm Bani*, Trung tâm Văn hóa Chăm Ninh Thuận, tài liệu viết tay.
15. Trần Tiến Thành (2010a), *Góp phần tìm hiểu: Từ Islam đến Hồi giáo Bani ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
16. Trần Tiến Thành (2010b), “Lễ hội Ramurwan của người Chăm ở Bình Thuận”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10.
17. Nguyễn Đức Toàn (2002), *Ảnh hưởng của tôn giáo đối với tín ngưỡng của người Chăm ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ sử học, Tp. Hồ Chí Minh.
18. Thập Liên Trường (1994), *Lễ hội Ramurwan Bani*, Trung tâm Văn hóa Chăm Ninh Thuận, tài liệu viết tay.
19. Lê Thị Tuyết Vân (2000), *Ảnh hưởng của Hồi giáo đối với đời sống xã hội đồng bào Chăm tỉnh Bình Thuận hiện nay*, Luận văn cao học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
20. Đoàn Việt (2001), “Nghĩ lễ Katat và vai trò của nó trong đời sống nam thanh niên người Chăm Hồi giáo Bani tỉnh Ninh Thuận”, *Dân tộc học*, số 5.
21. Đoàn Việt (2009), “Nghĩ lễ hôn nhân của người Chăm theo đạo Hồi ở Việt Nam”, *Nguồn sáng dân gian*, số 4.
22. Trương Nghiệp Vũ (2001), *Báo cáo khoa học tôn giáo tín ngưỡng của người Chăm ở Ninh Thuận - Thực trạng và giải pháp*, Tỉnh ủy Ninh Thuận - Ban Dân vận Ninh Thuận, tháng 8.

Tài liệu tiếng Anh

1. Cole W. Owen and Peggy Morgan (2000), *Six Religions in the 21st Century*, London: Stanley Thornes Ltd.
2. Elias Jamal J. (1999), *Islam*, London: Routledge.

3. http://en.wikipedia.org/wiki/Spread_of_Islam#cite_note_Lapidus, truy cập ngày 10/3/2009.
4. <http://history-world.org/islam,7.htm>, truy cập ngày 15/8/2011.
5. Newby Gordon D. (2002), *A Concise Encyclopedia of Islam*, England: Oneworld Oxford.

Abstract

SYSTEMATIZING THE ISLAMIC CHARACTERISTICS IN THE CHAMS BÀNI RELIGIOUS COMMUNITY IN NINH THUAN AND BINH THUAN PROVINCES OF VIETNAM

Although much of the religious studies of the Chams Bàni religious community in Ninh Thuan and Binh Thuan provinces have shown their religious practices that express beliefs associated with Islam, all agree that this community is variants of the Islamic religion. The reason is due to non-Islam rituals still exist in this community. In order to be aware of the conformity with the religious phenomenon of Bàni, it is necessary to systematize the typical characteristics that show the Chams Bàni community as an Islamic community at least in the form. This article systematizes the Islamic characteristics of the Chams Bàni community in accordance with three core issues of a religion: religious beliefs, religious practices (rituals and taboo express beliefs), and religious community (the main rituals of community cohesion).

Keywords: The Chams Bàni, characteristic, Islam, Vietnam.